

UBND THÀNH PHỐ THUẬN AN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *376*/PGDĐT

Thuận An, ngày *30* tháng *12* năm 2022

V/v báo cáo sơ kết và tổng kết công
tác tổ chức cán bộ năm học 2022-2023

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường Mầm non công lập trực thuộc;
- Hiệu trưởng các trường MN-MG ngoài công lập trực thuộc;
- Hiệu trưởng các trường Tiểu học, Trung học cơ sở trực thuộc.

Thực hiện kế hoạch công tác năm học 2022 – 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thuận An.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thuận An, yêu cầu Hiệu trưởng các đơn vị thực hiện báo cáo sơ kết và tổng kết công tác tổ chức cán bộ năm học 2022 - 2023 như sau:

1. Nội dung báo cáo: Theo phụ lục đề cương hướng dẫn (đính kèm).
2. Thời kỳ báo cáo:
 - Báo cáo sơ kết: Tính từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2022
 - Báo cáo tổng kết: Tính từ tháng 5/2022 đến tháng 4/2023
3. Thời hạn nộp báo cáo:
 - Báo cáo sơ kết: Trước ngày 05/01/2023.
 - Báo cáo tổng kết: Trước ngày 20/4/2023.
4. Địa chỉ nộp báo cáo: Đơn vị gửi báo cáo bằng văn bản giấy về Phòng Giáo dục và Đào tạo (bộ phận tổ chức cán bộ) và gửi file văn bản (file word) về địa chỉ email tochuccanbo@ta.sgdbinhduong.edu.vn.
5. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ các nội dung, đúng biểu mẫu và thời gian quy định; số liệu, thông tin trong báo cáo phải cập nhật và chính xác, trùng khớp với nội dung tại các báo cáo khác ở cùng thời điểm.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đơn vị liên hệ bộ phận tổ chức cán bộ để được hướng dẫn thêm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo PGDĐT;
- Lưu VT, Hòa.



PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT VÀ BÁO CÁO TỔNG KẾT
CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ NĂM HỌC 2022-2023

I. TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Cơ sở giáo dục (CSGD)

1.1. Số lượng

Đơn vị	Công lập		Ngoài công lập		Tổng cộng
	Tổng số	Trong đó thành lập mới	Tổng số	Trong đó thành lập mới	
Trường					
Nhóm trẻ, lớp MG:.....	(Không thống kê)	(Không thống kê)			
Tổng cộng					

1.2. Thông tin về CSGD được thành lập trong học kỳ/năm học

Tên CSGD	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Loại hình	Số hiệu quyết định	Thời điểm ban hành QĐ	Cấp ban hành QĐ
Trường:.....					

Lưu ý: Trường nhiều cấp học thống kê vào loại hình có cấp học cao nhất.

2. Số lớp, số học sinh

2.1. Đối với CSGD công lập, ngoài công lập không có yếu tố nước ngoài, đơn vị báo cáo theo mẫu sau:

Cấp học	Lớp			Học sinh		
	Tổng số lớp	Trong đó		Tổng số HS	Trong đó	
		Lớp bán trú	Lớp 2 buổi		HS bán trú	HS 2 buổi
CÔNG LẬP						
Trường:						
NGOÀI CÔNG LẬP						
Trường:.....						
Nhóm trẻ, lớp MG độc lập:.....						

2.2. Đối với CSGD ngoài công lập có yếu tố nước ngoài, Đơn vị báo cáo theo mẫu sau:

Cấp học	Lớp		Học sinh			
	Tổng số lớp	Trong đó lớp bán trú	Tổng số học sinh	HS là người Việt Nam	HS là người nước ngoài	HS bán trú
MẦM NON						
Tên trường:...						
- Nhóm trẻ						

- Lớp mầm						
- Lớp chồi						
- Lớp lá						
TIỂU HỌC						
Tên trường:...						
THCS						
Tên trường:...						

II. NHÂN SỰ

1. Số lượng, trình độ đào tạo đội ngũ công chức, viên chức quản lý (theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020)

Đơn vị	Tổng số	Nữ	Đạt chuẩn trở lên				Dưới chuẩn		Số lượng đã/đang học NV QLGD
			Số lượng	%	Trong đó trên chuẩn		Số lượng	%	
					Số lượng	%			
Trường:									

3. Số lượng, chuẩn trình độ đào tạo đội ngũ giáo viên, nhân viên (trừ viên chức quản lý)

(theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020)

Đơn vị	Tổng số giáo viên, nhân viên	Nữ	Giáo viên						Số lượng VC, NV không dạy lớp
			Tổng số	Đạt chuẩn trở lên		Dưới chuẩn			
				Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	
Trường:.....									

4. Số lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngoài công lập

Trường/ Nhóm	Tổng số CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
Trường:.....				
Nhóm trẻ, lớp MG độc lập:.....				

Lưu ý: Số lượng giáo viên ở mỗi cấp học có tính số lượng giáo viên cùng cấp học trong trường nhiều cấp học (nếu có). Ví dụ: Số lượng giáo viên mầm non bằng tổng số giáo viên trong trường mầm non và giáo viên mầm non trong trường nhiều cấp học (có giáo dục mầm non).

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Công tác bổ nhiệm công chức, viên chức quản lý

Đơn vị	Bổ nhiệm mới				Bổ nhiệm lại			
	Cấp trưởng		Cấp phó		Cấp trưởng		Cấp phó	
	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
Trưởng:.....								

2. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng CCVC; đánh giá chuẩn hiệu trưởng (cán bộ quản lý), chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông năm học (trước liền kề)

2.1. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng CCVC người lao động

- Kết quả đánh giá, xếp loại CCVC người lao động.
- Số lượng CCVC người lao động được đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ và phương án giải quyết của Phòng GDĐT trong năm học, báo cáo theo mẫu sau:

Chức danh	Số lượng không hoàn thành nhiệm vụ	Số lượng đã giải quyết	Phương án giải quyết	Ghi chú
Cán bộ quản lý				
GV dạy lớp				
Phụ trách phòng bộ môn				
Phụ trách công nghệ thông tin				
Giám thị				
Kế toán				
Văn thư				
Thủ quỹ				
Y tế				
Người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Bảo vệ			
	Phục vụ			
	Cấp dưỡng			
Viên chức khác				
Tổng cộng				

2.2. Công tác đánh giá chuẩn hiệu trưởng (cán bộ quản lý), chuẩn nghề nghiệp giáo viên

Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và giáo viên các đơn vị		Tổng số	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt
Trưởng:.....	Chuẩn Hiệu trưởng	Số lượng				
		Tỷ lệ %				
	Chuẩn Phó Hiệu trưởng	Số lượng				
		Tỷ lệ %				
Tổng CBQL	Tổng cộng CBQL					
	Tỷ lệ %					

Chuẩn NN GV	Số lượng					
	Tỷ lệ %					
Tổng GV	Tổng cộng GV					
	Tỷ lệ %					

3. Tình hình tăng, giảm biên chế

3.1. Hợp đồng mới, tái hợp đồng (Báo cáo theo mẫu đính kèm – Mẫu 1)

3.2. Thôi việc, bỏ việc (Báo cáo theo mẫu đính kèm – Mẫu 1)

3.3. Thuyên chuyển viên chức

Đơn vị	Chuyển đi		Tiếp nhận	
	Các huyện trong tỉnh	Ngoài tỉnh	Các huyện trong tỉnh	Ngoài tỉnh
Trường:.....				
.....				
Tổng cộng				

3.4. Nghỉ hưu, báo cáo theo bảng sau:

Chức danh	Số lượng		Ghi chú
	Tổng số	Trong đó nữ	
Công chức, viên chức quản lý			
Giáo viên			
Viên chức không dạy lớp, nhân viên			
Tổng cộng			

4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

4.1. Số lượng công chức, viên chức được cử đi học trong học kỳ I năm học 2022-2023.

Loại hình đào tạo	Nguồn kinh phí	Tiểu học		THCS		VP PGD		
		Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	
Chuyên môn	Nghiên cứu sinh	Ngân sách						
		KK tự ĐT						
	Cao học (không tính ngành QLGD)	Ngân sách						
		KK tự ĐT						
	Đại học	Ngân sách						
		KK tự ĐT						
KK tự ĐT								
Trung cấp	Ngân sách							
	KK tự ĐT							
Chính trị	Cao cấp							
	Trung cấp							
QLGD	Thạc sĩ	Ngân sách						
		KK tự ĐT						
	Bồi dưỡng							

Bồi dưỡng (ngoài bồi dưỡng thường xuyên)	Chuyên môn, nghịệp vụ									
	Khác									
Tập huấn										
Tổng cộng										

4.2. Số lượng công chức, viên chức hiện đang tham gia học các lớp đào tạo, bồi dưỡng

Loại hình đào tạo		Nguồn kinh phí	Mầm non		Tiểu học		THCS		VP PGD	
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
	Cao học (không tính ngành QLGD)	Ngân sách								
		KK tự ĐT								
	Đại học	Ngân sách								
		KK tự ĐT								
	Cao đẳng	Ngân sách								
		KK tự ĐT								
Trung cấp	Ngân sách									
	KK tự ĐT									
Chính trị	Cao cấp									
	Cử nhân									
	Trung cấp									
QLGD	Thạc sĩ	Ngân sách								
		KK tự ĐT								
	Bồi dưỡng									
Bồi dưỡng (ngoài bồi dưỡng thường xuyên)	Chuyên môn, nghịệp vụ									
	Khác									
Tập huấn										
Tổng cộng										

4.3. Công tác bồi dưỡng thường xuyên

Công lập:

Chức danh	Cấp học	Số lượng GV/CBQL tham gia	Số lượng GV/CBQL được cấp chứng chỉ	Ghi chú
Giáo viên	MN			
	TH			
	THCS			
Cộng GV				
Cán bộ quản lý	MN			
	TH			
	THCS			
Cộng CBQL				
Tổng cộng				

Dân lập, tư thực:

Chức danh	Cấp học	Số lượng GV/CBQL tham gia	Số lượng GV/CBQL được cấp chứng chỉ	Ghi chú
Giáo viên	MN			
	TH			
	THCS			
Cộng GV				
Cán bộ quản lý	MN			
	TH			
	THCS			
Cộng CBQL				
Tổng cộng				

5. Công tác nâng lương

Nội dung	Số lượng đã đề nghị trong năm học	Trong đó số đã có quyết định
Nâng lương thường xuyên		
Nâng lương trước thời hạn		

6. Công tác bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp:

Hạng CDNN	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Ghi chú
Cán bộ quản lý				
Giáo viên				
Viên chức khác (CNTT, TTDL, Giám thị, Thiết bị, phụ trách phòng bộ môn)				
Tổng cộng				

7. Công tác kiểm tra tổ chức cán bộ

Báo cáo số lượng các đơn vị được Phòng GDĐT kiểm tra về công tác tổ chức cán bộ hoặc kiểm tra hành chính (có công tác tổ chức cán bộ) trong học kỳ/năm học:

Tổng số	Trong đó chia ra		
	Mầm non	Tiểu học	THCS

3	Khối hành chính									
4	PT phòng bộ môn									
5	PT công nghệ thông tin									
6	Giám thị									
7	Kế toán									
8	Văn thư									
9	Thủ quỹ									
10	Y tế									
11	Nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	Bảo vệ								
		Phục vụ								
		Cấp dưỡng								
12	Viên chức khác									
Tổng cộng										

Báo cáo các nội dung khiếu nại, tố cáo và danh sách người bị khiếu nại, tố cáo.

STT	Họ và tên người bị khiếu nại, tố cáo	Chức vụ/chức danh - Đơn vị	Ngày nhận đơn khiếu nại, tố cáo	Nội dung khiếu nại, tố cáo	Biện pháp giải quyết	Ngày giải quyết xong	Kết quả xử lý	Đang viên	Ghi chú

10. Một số công tác khác

10.1. Hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ (VSTBCPN)

Báo cáo tóm tắt những kết quả nổi bật, tiêu biểu, những điểm mới trong hoạt động bình đẳng giới - VSTBCPN của đơn vị trong học kỳ/năm học theo hướng dẫn của Ban VSTBCPN ngành GDĐT tỉnh Bình Dương.

10.2. Quản lý cơ sở dữ liệu PMIS

- Tình hình thực hiện chương trình PMIS ở đơn vị trực thuộc, những vấn đề khó khăn, vướng mắc.

- Tổng số cơ sở dữ liệu đang lưu tại Phòng GDĐT; số lượng hồ sơ đã cập nhật/tổng biên chế hiện tại của ngành.

10.3. Công tác lưu trữ hồ sơ gốc

- Số lượng hồ sơ gốc đang lưu trữ /tổng số biên chế hiện tại của đơn vị.

- Độ an toàn của nơi lưu trữ.

IV. ĐỀ XUẤT

Các đơn vị đề xuất những vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện công tác tổ chức cán bộ. Ý kiến đề xuất cần cụ thể, rõ ràng để thuận tiện trong việc xem xét, giải quyết./.

Đơn vị: Trường.....

STT	Chức danh	Hợp đồng mới	Tái hợp đồng	Nghỉ việc	Bỏ việc
1	GV mầm non				
2	GV tiểu học				
3	GV THCS				
4	Thư viện				
5	Văn thư				
6	Kế toán				
7	Phục vụ				
8	Bảo vệ				
9	Y tế				
10	PT Phòng bộ môn				
11	Giám thị				
12	PT Công nghệ thông tin				
13	Thiết bị				
14	Bảo mẫu				
15	Cấp dưỡng				
16	Thủ quỹ				
17	CB phổ cập				
18	Tổng phụ trách Đội				
Tổng cộng					

Đơn vị: Trường

STT	Hình thức bồi hoàn	Tổng số	Số lượng CCVC bồi hoàn KPĐT thuộc các trình độ						Mục đích bồi hoàn KPĐT					Lý do buộc bồi hoàn KPĐT			
			Đào tạo Trung cấp	Đào tạo Cao đẳng	Đào tạo Đại học	Đào tạo Thạc sĩ	Đào tạo Tiến sĩ	Bồi dưỡng Ngoại ngữ, Tin học	Không công tác theo HĐ TN	Nghỉ việc	Thuyên chuyển	Chuyển ngành	Khác (Ghi rõ mục đích/Số lượng)	Không nhận nhiệm sở	Bỏ việc	Kỷ luật Buộc thôi việc	Khác (Ghi rõ mục đích/Số lượng)
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Cho bồi hoàn kinh phí đào tạo																
2	Buộc bồi hoàn kinh phí đào tạo																
Tổng cộng																	

Lưu ý: Đơn vị điền thông tin, số liệu vào những ô tô nền đậm màu.